

QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

PGS.TS. Hà Đức Trụ *

Tóm tắt: Vai trò của sở hữu trí tuệ với phát triển kinh tế. Bài viết xem xét QSHTT là gì, việc thực thi nó ra sao ở các nước phát triển và đang phát triển, các nước giàu và nghèo. Tác giả cũng nghiên cứu sự liên quan giữa việc thực thi QSHTT với toàn cầu hóa, đầu tư trực tiếp nước ngoài, ngoại thương và Việt Nam phải sở hữu trí tuệ và quyền sở hữu trí tuệ (QSHTT) ngày càng trở nên quan trọng thì vấn đề này ra sao.

Từ khóa: Sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu trí tuệ, bằng sáng chế.

Abstract: *The article clarifies what intellectual property means, how it works in developed and developing countries, or in the poor and rich countries. The author also examines the relationship between the implementation of intellectual property and globalization, foreign direct investment and foreign trade and the question is how Vietnam deals with this issue.*

Key words: *intellectual property, intellectual property right, patent.*

Hiện nay, quyền sở hữu trí tuệ (QSHTT) đã trở thành một vấn đề nổi cộm ở nhiều quốc gia và đầu mối của nhiều tranh chấp quốc tế. Ở cấp vi mô, các nhà sản xuất (nhất là các công ty đa quốc gia) đặc biệt quan tâm và đòi hỏi về QSHTT. Bởi vì:

Thứ nhất, sở hữu trí tuệ là một lợi thế độc quyền ngày càng quan trọng, khi những lợi thế khác (như khả năng chia cắt thị trường) ngày càng yếu.

Thứ hai, đa số nghiên cứu phát minh ngày càng tốn kém, mà sao chép, mô phỏng lại ngày càng dễ dàng. Vì những biện pháp bảo mật thông thường không còn công hiệu, tư doanh cần hậu thuẫn của nhà nước để bảo vệ sở hữu trí tuệ.

Thứ ba, hầu hết các công ước quốc tế về QSHTT đã khá lâu đời, cần cập nhật, bổ sung.

Ở cấp vĩ mô, vai trò của QSHTT trong các tranh chấp quốc tế là do sự khác biệt quyền lợi giữa các nước đã phát triển và các nước chưa phát triển, cần du nhập và mô phỏng công nghệ nước ngoài. Đối với đa số các nước phát triển thì QSHTT là cần thiết cho tiến bộ công nghệ, lợi cho kinh doanh, tốt cho xã hội. Theo họ, QSHTT (nhất là bằng phát minh) cũng tốt cho các nước kém phát triển, vì nó khuyến khích phát minh ở các nước ấy, thu hút đầu tư từ ngoài, du nhập công nghệ mới. Do đó, nói chung, lập trường của các nước phát triển là QSHTT phải rộng rãi và được thực sự bảo vệ.

* Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội

Các quốc gia đang phát triển thì nhìn vấn đề có hơi khác. Dù rằng, nói chung, QSHTT sẽ khuyến khích phát minh, nhưng trên thực tế hầu hết các phát minh công nghệ đều từ các quốc gia tiên tiến, do đó, sự thắt chặt QSHTT sẽ gây khó khăn cho các nước kém phát triển, đang cần mô phỏng công nghệ. Các nước này cũng lo ngại QSHTT sẽ bị các nước phát triển lạm dụng: đăng ký bản quyền những tác phẩm văn hoá cổ truyền, những gen đặc chủng, có thể thương mại hoá hơn nữa, thực thi chế độ QSHTT sẽ lấy nhiều nhân lực và ngân sách có thể dùng vào những hoạt động phát triển khác. Nói tóm lại, nhiều nước cho rằng QSHTT dường như được ấn định bởi các quốc gia phát triển, chỉ có lợi cho họ và gây khó khăn cho các nước đang phát triển.

1. Quyền sở hữu trí tuệ

a) Tại sao phải có QSHTT?

Nhìn từ triết học, có hai quan điểm khác nhau về “sở hữu trí tuệ”. Quan điểm thứ nhất cho rằng tác phẩm, sáng kiến là do công sức, tài ba riêng của cá nhân sáng tạo, do đó QSHTT phải là thuộc cá nhân ấy. Quan điểm thứ hai cho rằng sản phẩm trí tuệ là tài sản chung, mọi sáng kiến hay khám phá đều là sự hun đúc của tiền nhân, đóng góp của xã hội và người sáng tạo chỉ là một thực thể ngẫu nhiên phát hiện ra những kết quả đó. Theo quan điểm này, người sáng tạo có thể được tôn vinh, khen thưởng, nhưng quyền sử dụng kết quả sáng tạo đó không thể giới hạn cho riêng ai.

Nhìn từ kinh tế học, nhất là kinh tế tân cổ điển, thì sự cần thiết của QSHTT (và quyền tư hữu nói chung) phải được phân xét theo bản chất của phúc lợi cộng đồng. Bởi vì:

Một là, QSHTT sẽ khuyến khích mọi người sáng tạo và dọn đường cho những phát minh tiếp theo. Muốn được cấp bằng sáng chế, người phát minh phải công bố chi

tiết phát minh của mình và dựa vào những thông tin này, người khác có thể đưa ra phát minh kế tiếp. Mặt khác, nếu được cấp quyền sở hữu một cách rộng rãi, người phát minh sẽ yên tâm tìm những phát minh liên quan. Thiếu quyền đó, nhiều phát minh sẽ có nguy cơ trùng lặp, lãng phí.

Hai là, QSHTT là biện pháp sử dụng lợi nhuận để thúc đẩy người phát minh đi vào sản xuất. Một số thị trường (nhất là các sản phẩm và dịch vụ mới) sẽ khó xuất hiện, nếu doanh nhân không được khuyến khích sản xuất. Do đó, dù suy nghĩ thế nào đi nữa về bản chất triết lý của sở hữu trí tuệ, thì tiếp cận kinh tế khẳng định, vì phúc lợi chung, cần phải có QSHTT. Bởi vì, một mặt, xã hội cần có những biện pháp cụ thể để khuyến khích sáng tạo và, mặt khác, nếu quản lý quá chặt chẽ, thì sản phẩm trí tuệ sẽ không được xã hội tận dụng.

b) Tại sao QSHTT phải do nhà nước, thay vì thị trường, quyết định?

Mọi người đều thừa nhận rằng xã hội nên khuyến khích và tận dụng những tác phẩm của trí tuệ. Tuy nhiên, có nhiều người cho rằng thị trường hoàn toàn tự do sẽ có nhiều cách khuyến khích và đưa lợi ích của phát minh vào thực tế. Chẳng hạn, chỉ cần có động cơ lợi nhuận, nhiều phát minh, sáng tác sẽ được thúc đẩy. Và lại, về bản chất, có nhiều phát minh không thể bắt chước, sao chép được. Do đó, QSHTT do nhà nước cấp phát là không cần thiết.

Nhưng tại sao vẫn cần tới QSHTT do nhà nước cấp phát? Phải chăng chính sự cạnh tranh kinh tế sẽ thúc đẩy các hoạt động sáng tạo? Đa số các nhà kinh tế cho rằng QSHTT là cần thiết, vì giữa sản phẩm trí tuệ và sản phẩm hiện vật có sự khác biệt căn bản: sản phẩm trí tuệ càng được nhiều người sử dụng thì mức hữu ích của nó càng nhiều, phúc lợi xã hội càng tăng. Cơ chế thị trường không thể giải quyết vấn đề này một cách tối hảo, vì chỉ người

mua là được phép sử dụng các kết quả sáng tạo của trí tuệ. Vì thế, QSHTT sẽ công khai hoá phát minh, cho phép mọi người sử dụng miễn phí sau một khoảng thời gian nhất định, là một giải pháp khắc phục những thất bại thị trường.

c) Đặc tính kinh tế của QSHTT

QSHTT bao hàm nhiều vấn đề cần được giải đáp. Những vấn đề này có quan hệ qua lại với nhau. Hãy phân tích riêng rẽ từng vấn đề:

- **Thời hạn hiệu lực của bằng sáng chế.** Có lẽ đây là điều cơ bản nhất trong quy định về QSHTT, tức là thời gian mà người có bằng đó được độc quyền sử dụng. Thời gian này càng dài thì độc quyền càng lâu và độc quyền sẽ làm suy giảm phúc lợi xã hội (trừ vài ngoại lệ). Song, nếu thời hạn hiệu lực quá ngắn, thì về mặt lý thuyết, sẽ không cho người có tài đủ động lực để phát minh. Như vậy, QSHTT lý tưởng phải dung hoà hai tiêu chí này: đủ lâu để gián tiếp khuyến khích phát minh và không nên quá lâu, vì trì hoãn tận dụng tối đa sáng kiến sẽ gây lãng phí cho xã hội.

- **Loại phát minh.** Cách phân loại và nội dung quy định trong QSHTT có ảnh hưởng quan trọng đến loại phát minh. QSHTT chỉ nhằm vào các chỉ tiêu kinh tế trước mắt sẽ thiên vị những “phát minh vật” có lợi ích thương mại ngay lập tức, bỏ qua những phát minh căn bản không đem lại lợi nhuận ngay, có khả năng thúc đẩy nhiều phát minh khác, quan trọng hơn về lâu dài.

- **Ngành công nghiệp.** Trên thực tế, QSHTT có thể được luật pháp bảo vệ qua bốn hình thức chính: bản quyền, bằng sáng chế, thương hiệu, bí mật kinh doanh. Tuy mọi ngành công nghiệp đều cần QSHTT, nhưng mỗi ngành có nhu cầu khác nhau về QSHTT, về mức độ quan trọng tương đối giữa bản quyền, bằng sáng chế, thương hiệu và bí mật kinh doanh. Do sự khác biệt này, tùy vào chính sách phát triển

công nghiệp, nhà nước có thể cấp phát và bảo vệ không đồng đều các loại SHTT khác nhau cũng như phân biệt công nghệ mô phỏng và công nghệ sáng chế.

- **Danh nghĩa và thực tế.** Trên thực tế, hiệu lực của QSHTT tùy thuộc vào đặc tính của toàn bộ nền kinh tế, kể cả đường lối và công cụ điều tiết của chính phủ. Thêm vào đó, QSHTT tùy thuộc vào việc nhà nước coi trọng nó tới mức nào. Nói cách khác, hiệu lực pháp lý của QSHTT có thể rất khác nhau trên thực tế.

2. Quyền sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế thị trường

QSHTT là một bộ phận luật pháp, có ảnh hưởng đến mọi lĩnh vực hoạt động kinh tế, đặc biệt là những giao lưu quốc tế: xuất nhập khẩu, đầu tư nước ngoài (FDI), sự nhượng quyền (licensing). Ảnh hưởng này rất khó xác định, vì có rất nhiều biến số. Cái chính là nó tùy thuộc vào, *một là*, lý do công ty nước ngoài chọn FDI, thay vì xuất khẩu hoặc licensing; *hai là*, cơ cấu công nghiệp (nhất là lối cạnh tranh giữa các công ty khách và chủ) và, *ba là*, khả năng bắt chước của nước chủ nhà. Ngoài ra, cũng cần nhắc lại, trong QSHTT còn có sự khác nhau giữa bằng sáng chế, bản quyền, thương hiệu và bí quyết kinh doanh.

a) Ảnh hưởng của QSHTT đến khối lượng xuất nhập khẩu

Liên hệ giữa QSHTT và xuất nhập khẩu là một đề tài được nhiều người chú ý. Ảnh hưởng này tùy vào hai yếu tố chính: khả năng bắt chước và cơ cấu công nghiệp.

(i) Nếu **khả năng bắt chước** kém, thì thắt chặt QSHTT sẽ không làm thay đổi mức sản xuất trong nước và do đó sẽ không ảnh hưởng đến xuất nhập khẩu. Mặt khác, nếu khả năng này là cao, thì thắt chặt QSHTT cho nước ngoài sẽ tạo thêm “chướng ngại” cho các nhà sản xuất trong nước, do đó sẽ ảnh hưởng nhiều đến khối lượng ngoại thương, chia các nước ra

làm bốn loại, theo hai tiêu chuẩn: cường độ QSHTT và khả năng bắt chước.

Nếu khả năng bắt chước chưa cao, thì thắt chặt QSHTT sẽ làm tăng nhập khẩu, do đó sẽ làm tăng thế độc quyền của các công ty ngoại trong thị trường nội. Các quốc gia kém khả năng bắt chước cần tăng nỗ lực chống độc quyền. Các nước nhỏ, nghèo, lại ít có khả năng thực hiện điều đó.

(ii) Ảnh hưởng của QSHTT đến ngoại thương cũng tùy thuộc vào **cơ cấu công nghiệp**. Nếu công ty ngoại phải cạnh tranh với nhiều công ty nội thì QSHTT không có nhiều ảnh hưởng. Song nếu thị phần vốn của công ty đã lớn thì thắt chặt QSHTT sẽ làm thị phần đó lớn thêm. Nhưng ảnh hưởng chung đến thị trường thì lại khó tiên đoán, bởi lẽ nó có hai hiệu ứng tương phản. Một mặt, QSHTT càng chặt thì thế lực thị trường của công ty ngoại càng mạnh, song mặt khác nó cũng làm thị trường nhỏ lại vì sự rút lui của các công ty nhỏ. Ảnh hưởng tối hậu sẽ tùy vào hiệu ứng nào mạnh hơn.

3. Ảnh hưởng của quyền sở hữu trí tuệ đến đầu tư trực tiếp từ ngoài

Nói chung, QSHTT càng chặt chẽ thì càng giảm mô phỏng và càng khuyến khích đầu tư trực tiếp từ ngoài (FDI). Tuy nhiên, ảnh hưởng này tùy thuộc vào loại công nghệ: cũ hoặc mới, có dễ bắt chước hay không.

Đối với các **công nghệ cũ** (đã chuẩn hóa) thì FDI tùy thuộc phần lớn vào giá phí đầu vào, tầm cỡ thị trường, cước chuyên chở và những lợi thế khác. Do đó, thắt chặt QSHTT sẽ *không có ảnh hưởng* đáng kể đến FDI. Đối với các **công nghệ tân tiến** thì thắt chặt QSHTT sẽ thu hút FDI, khuyến khích chuyển giao công nghệ, nhất là loại dễ bắt chước. Lý do là bằng phát minh, bản quyền và thương hiệu sẽ làm tăng giá trị của “tài sản tri thức” và cách khai thác loại tài sản đó hữu hiệu

nhất là trong nội bộ doanh nghiệp. Về phương diện này, cũng nên xem đến các yếu tố khác (loại công nghệ, trình độ bắt chước, mức độ cạnh tranh) ở trong nước. Ngoài ra, một chế độ QSHTT rộng rãi và thực thi cũng khuyến khích các công ty nước ngoài tìm kiếm công nghệ thích hợp với địa phương.

Ảnh hưởng của QSHTT đến mức độ cho thuê công nghệ cũng là đáng chú ý. Theo nhiều mô hình, chặt chẽ hoá QSHTT sẽ tăng mức độ licensing, của các công ty ngoại cho các công ty nội, vì lẽ QSHTT càng mạnh thì phí licensing càng thấp (vì dễ trừng phạt các công ty nhận license song lại tiết lộ bí mật). Tuy nhiên, cũng có người cho rằng các công ty nước ngoài sẽ nghiêng về FDI thay vì cấp license vì họ ngại tiết lộ bí quyết công nghệ do thủ tục đòi hỏi.

4. Phân biệt người phát minh và loại công nghệ

QSHTT phải thiên vị người *phát minh* trong nước so với người *phát minh* nước ngoài. (Sự phân biệt đối xử đó có lợi cho ai - người *sản xuất* hay người *tiêu dùng*? - lại là một vấn đề). Tuy rằng hầu hết các thoả hiệp quốc tế không cho phép phân biệt đối xử giữa người trong và ngoài nước, song trên thực tế không khó tìm những đặc tính tiêu biểu để phân biệt đối xử theo quốc tịch, chẳng hạn như bắt buộc hồ sơ xin giấy phép phải viết bằng tiếng Việt. Như vậy, ý nghĩa đầu tiên có thể là nhà nước sẽ không cho người nước ngoài QSHTT mạnh bằng cho công dân mình. Chúng ta cũng muốn khuyến khích các phát minh hữu ích và thích hợp với nước ta hơn là những phát minh hữu ích cho *mọi* quốc gia. Những phát minh có giá trị chung sẽ có nhiều nước, nhiều tổ chức quốc tế thúc đẩy.

Những nhận xét trên đưa đến nhận định: trong quyết định cấp QSHTT cho các công ty nước ngoài, một yếu tố quan

trọng là *khả năng mô phỏng, sáng tạo* trong nước. Phải có một chế độ về QSHTT thế nào để khuyến khích những sáng tạo, mô phỏng của người trong nước và bảo vệ QSHTT của họ trong các thị trường hải ngoại. Song, khả năng đó tùy thuộc vào ngành công nghiệp và trình độ công nghệ của chúng ta. Vậy nó liên hệ đến giai đoạn phát triển và cũng đừng quên rằng một ngày nào đó, chính các nhà phát minh Việt Nam cũng cần được bảo đảm QSHTT ở nước ngoài.

5. Quyền sở hữu trí tuệ và toàn cầu hoá

Một xu thế hiện đại là ngày càng có nhiều thảo luận giữa các nước nhằm cắt giảm các rào cản thương mại, đồng bộ hoá luật lệ, thuế má và nhất là chế độ QSHTT. Để có một lập trường hợp lý trong các thương lượng này, chúng ta cần chú ý đến khác biệt giữa lợi ích quốc gia và lợi ích quốc tế của QSHTT và ảnh hưởng của QSHTT đến chênh lệch giàu nghèo giữa các nước. Cũng đừng nên quên rằng các nước đang phát triển còn muốn bảo tồn những kiến thức và nếp sống cổ truyền, chống lại khuynh hướng thương mại hoá, ngăn ngừa văn hoá đồi trụy ngoại lai. Tuy nhiên, kinh nghiệm cho thấy tác động của QSHTT trong những mục đích này rất khó xác định.

Đồng bộ hoá QSHTT sẽ làm giảm đi tầm quan trọng của QSHTT trong quyết định của các công ty về nơi đầu tư và cách kinh doanh (nhất là giữa FDI và chuyển giao công nghệ). Nói cách khác, những quốc gia đang tiến hành thắt chặt QSHTT sẽ thấy lợi thế so sánh của mình mạnh thêm, trong khi những quốc gia đã có QSHTT khá chặt chẽ thì lại thấy lợi thế của mình kém đi.

6. Sở hữu trí tuệ và phát triển kinh tế

a) Sở hữu trí tuệ và phát triển

Dùng QSHTT như một “công cụ” để phát triển quốc gia không phải là một ý mới. Chính các nước hiện nay đã phát triển cũng đã tích cực sử dụng công cụ này trong quá khứ. Các nước khác có cách áp dụng QSHTT của mình. Chẳng hạn, một phần chiến lược “bắt kịp” nổi tiếng của Nhật cũng là dựa vào du nhập công nghệ nước ngoài, qua một chế độ QSHTT cố ý nâng đỡ, phổ biến tri thức hơn là sáng tác. Gần đây hơn, Đài Loan và Hàn Quốc đã khá lỏng lẻo trong vấn đề bảo vệ QSHTT: cái chính cũng là để các nhà sản xuất của họ dễ bắt chước công nghệ nước ngoài. Chỉ từ sau nửa cuối thập kỷ 1980, vì áp lực của Mỹ, các nơi này mới mạnh mẽ bảo vệ QSHTT. Công nghiệp dược phẩm của Ấn Độ cũng đã phát triển tương đối khá vì trong đạo luật về QSHTT năm 1970 của họ công nghệ này đã được đặc biệt quan tâm.

Dù nhiều quốc gia đã có kinh nghiệm như đã nói ở trên, tác động thực tế của QSHTT đến phát triển không phải là dễ phân tích. Bảo vệ tài sản tri thức sẽ khuyến khích phát minh và cách tân công nghệ, song thắt chặt QSHTT cũng sẽ tăng giá thành, gây thêm khó khăn cho mô phỏng và nhiều lạm dụng khác. Hơn nữa, trong ngắn hạn, thắt chặt QSHTT có thể gây nhiều tổn phí về kinh tế và xã hội.

Khi trình độ phát triển trong nước còn thấp, thì bảo hộ công nghệ sáng chế là không có ích lợi trực tiếp, song bảo đảm nhãn hiệu, thương hiệu nước ngoài sẽ có ích lợi gián tiếp ở chỗ nó tạo cảm tình cho các công ty nước ngoài mà không hại gì cho ta. Mặt khác, QSHTT cho các công nghệ mà ta có thể mô phỏng thì có thể lỏng lẻo hơn, tạo cơ hội cho những nhà sản xuất nội địa. Lẽ dĩ nhiên, chúng ta cũng cần một quyền sở hữu đáng kể nhằm bảo vệ các người mô phỏng trong nước chống sao chép.

Nghiên cứu kinh tế lượng cho thấy

một nền kinh tế phát triển tăng trưởng nhanh cũng là có QSHTT ngày càng chặt chẽ. Lý do có thể là vì một nền kinh tế mở cần QSHTT để tăng chất lượng hàng hoá để cạnh tranh. Hơn nữa, công ty trong những nền kinh tế phát triển sẽ ít ngần ngại chấp nhận phí tổn chuyển giao công nghệ và thích ứng nó vào hoàn cảnh địa phương. Đáng kể hơn nữa, QSHTT, độ mở của kinh tế, FDI và sự tích lũy vốn con người hầu như cộng tác với nhau để tăng năng suất và tốc độ tăng trưởng

b) QSHTT và thu nhập

Ảnh hưởng đến mức độ thu nhập.

Theo nghiên cứu kinh tế lượng, có một liên hệ rõ rệt giữa mức độ thu nhập của một nước và cường độ QSHTT ở nước ấy. Tuy nhiên, chiều liên hệ thay đổi tùy theo mức độ thu nhập đang có. Ở những nước có thu nhập còn rất thấp thì hầu như QSHTT có lỏng lẻo đi một ít thì thu nhập lại cao hơn. Ở những nước có thu nhập trung bình, khi thu nhập tăng lên thì QSHTT cũng cao hơn. Và những nước đã phát triển, có thu nhập cao nhất thì quy mô và cường độ của QSHTT cũng là lớn nhất.

Ảnh hưởng đến chênh lệch thu nhập trong nước. Ở đa số các quốc gia đang phát triển, những người có thu nhập thấp chỉ có thể sử dụng những loại hàng hoá tân thời (chẳng hạn như phần mềm máy vi tính) bằng cách sao chép. Vì thế, thắt chặt QSHTT sẽ giúp duy trì, hay mở rộng thêm sự chênh lệch giàu nghèo.

7. Kết luận

1) QSHTT có cơ sở là kinh tế, không phải chỉ là một thứ luật pháp. Phải tiếp cận nó theo tư duy kinh tế, tức là ý thức đến sự đánh đổi giữa những mục tiêu đặt ra. Điều oái oăm là QSHTT ngày càng khó bảo vệ (công nghệ sao chép ngày càng cao, tổn phí bất chước ngày càng hạ) thì các nước phát triển lại càng gây áp lực đối với các nước kém phát triển về bảo vệ QSHTT

2) Như vậy, một chính sách về QSHTT phải: (i) cân nhắc nên cho QSHTT vào công nghiệp nào, nên bảo vệ luật về QSHTT khắt khe đến mức nào.... (ii) được xem như một bộ phận của toàn bộ chính sách kinh tế, đặc biệt là gắn liền với chính sách thương mại và đầu tư nước ngoài.

3) Đối với một nước đang phát triển, mở cửa, QSHTT có liên hệ đến nhiều lĩnh vực rất khác nhau và có nhiều mục đích rất khác nhau. Đặc biệt, trong các thương thảo quốc tế, QSHTT có thể được dùng như một lá bài để đòi hỏi những nhượng bộ từ các nước khác, cũng như để tránh các nước khác trả đũa về hàng xuất khẩu.

4) Trong ngắn và trung hạn, phải để ý đến ảnh hưởng của QSHTT ở chỗ nó sẽ phân phối thu nhập từ những nước đang phát triển sang những nước đã phát triển.

5) Đối với câu hỏi: “Một nước kém phát triển thì chặt chẽ hoá QSHTT sẽ có đóng góp nhiều cho tăng trưởng hay không?”- câu trả lời vẫn chưa rõ ràng. Tuy nhiên, có một sự đồng thuận trong giới kinh tế rằng sự đóng góp ấy cần có những điều kiện hỗ trợ. Quan trọng nhất là: (i) vốn con người phải khá phát triển, (ii) thị trường đầu vào phải mềm dẻo, (iii) cơ cấu công nghệ hạ tầng phải đủ tốt, (iv) nền kinh tế phải mở, (v) có chính sách bảo hộ cạnh tranh.

6) Trong một thế giới có sự phân hóa chênh lệch giàu nghèo giữa các quốc gia và trong mỗi quốc gia, QSHTT không thể không phản ánh nhu cầu san bằng những chênh lệch bất công đó. Nó không thể chỉ là để phục vụ quyền lợi người sản xuất hay người phát minh.

7) Trong chừng mực nhất định mà ta dựa vào chế độ QSHTT để khuyến khích người nước ngoài nghiên cứu và phát triển công nghệ thích hợp, cũng không nên quên rằng những nước đang phát triển cũng sẽ thụ hưởng thành quả của những phát minh ấy.